

**TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ
ĐIỆN BIÊN PHỦ**

TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2018/HSST

Ngày: 03 - 10 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

TỈNH ĐIỆN BIÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh và bà Hoàng Cúc Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoi, là Kiểm sát viên;

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2018/HSST ngày 12 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 đối với:

Bị cáo: Lò Văn H; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 03 tháng 01 năm 2000, tại Điện Biên;

Trú tại: Bản N, phường B, T phố Đ, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12;

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lò Văn C và bà Lò Thị B; Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân: Sử dụng ma túy từ năm 2016.

Bị tạm giam từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 cho đến nay; Có mặt.

Bị hại: Chị Lường Thị X; địa chỉ: Bản T, xã M, huyện Đ, tỉnh B; Vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn L; địa chỉ: Đội 18, xã T, huyện Đ, tỉnh B; Xin vắng mặt;

Người làm chứng: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị L; cùng địa chỉ Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh B; Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 10 giờ ngày 03/6/2018, bị cáo Lò Văn H đến nhà chị Tòng Thị T, ở bản H, phường N, T phố B. Thấy gầm sàn nhà chị T có dựng một xe mô tô HONDA WAVE RSX, biển kiểm soát 27B1-384.29, trị giá 15.600.000 đồng, chìa khóa xe cắm trong ổ khóa; có anh Lò Văn T và các con của chị T ngồi gần đó. Bị cáo hỏi anh T thì được biết xe là của chị Lường Thị X, đang cùng chị Lò Thị L nhặt rau ở đối diện cổng nhà chị T, cách chỗ để xe 10m. H lấy mũ bảo hiểm của chị T đội, ngồi lên xe và nổ máy. Nghe tiếng xe chị X ngẩng đầu lên, thấy H đang đi xe của mình ra cổng thì chạy về gầm sàn, cách chỗ H 15m, hỏi với theo: H lấy xe của chị đi đâu đấy. H vừa chạy xe, vừa trả lời: Cho em mượn đi ra chợ một lát, rồi chạy xe đi. Sau đó H nói dối là xe của nhà mình, cầm cho anh Phạm Văn L lấy 1.500.000 đồng mua ma túy sử dụng và chi tiêu hết. Cơ quan điều tra đã thu xe và trả cho chị X; anh L yêu cầu bị cáo bồi thường.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai về việc bị chiếm đoạt xe, việc cầm cố xe như đã nêu trên; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*".

2. Các vấn đề khác: Ngày 25/6/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô HONDA WAVE RSX màu vàng đen, biển kiểm soát 27B1-384.29, trị giá 15.600.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị

cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại kết luận định giá.

3. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 58/CT-VKSTPĐBP ngày 11/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân T phố Điện Biên Phủ, truy tố bị cáo về tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 172 BLHS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản; áp dụng khoản 1 điều 172, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù; bồi thường cho anh L 1.500.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố Điện Biên Phủ trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Lò Văn H và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; cụ thể: Vào lúc 10 giờ ngày 03/6/2018, tại bản H, phường N, T phố Đ, tỉnh B; bị cáo đã lấy xe mô tô của chị X đi mà chưa được sự đồng ý của chị X. Việc làm của bị cáo diễn ra khi chị X đang ở đó cùng với nhiều người khác; chìa khóa xe cắm trong ổ khóa. Nhìn thấy bị cáo đang đi xe của mình, chị X chạy đến hỏi, thì bị cáo nói là mượn xe đi chợ để tránh sự ngăn cản của mọi người. Sau khi có được xe, bị cáo nói dối là xe của nhà mình, cầm cho anh L lấy 1.500.000 đồng và chỉ tiêu hết.

Theo khoản 1 Điều 172 BLHS thì: Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu T tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản theo điều luật

đã viện dẫn ở trên.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người sử dụng ma túy, sống phụ thuộc vào gia đình. Để có tiền phục vụ nhu cầu bản thân, bị cáo đã phạm tội, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã T khản khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng theo Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 172 BLHS thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo không có tài sản và nghề nghiệp; nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Bồi thường dân sự và các vấn đề khác: Anh L không biết xe bị cáo cầm là xe chiếm đoạt của người khác, nên không đề cập xử lý. Chị X đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường. Bị cáo phải bồi thường cho anh L 1.500.000 đồng tiền bị cáo cầm xe cho anh L.

[6] Án phí: Quá trình điều tra, bị cáo và anh L đã thống nhất về việc bồi thường nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn H phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 30 tháng 6 năm 2018).

3. Bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 357, 584 và 589 BLDS: Bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Văn L số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Văn L cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bị cáo Lò Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/10/2018). Bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh Phạm Văn L và bị cáo Lò Văn H có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo và Người bị hại;
- Viện kiểm sát TP.ĐBP;
- Viện kiểm sát tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT công an TP.ĐBP;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam;
- Đội HSNVCS Công an TPĐBP;
- Sở Tư pháp;
- Lu h s- v o ,n;
- HS Thi h pnh ,n HS;
- Chi c u c Thi h pnh ,n DS TPĐBP;
- TAND t o n h §B;
- Lu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vò Th p Nhung